

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HS-ST
Ngày 15-4-2024.

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thuý Phương

Nghề nghiệp: Giáo viên Trung tâm giáo dục thường xuyên – Giáo dục nghề nghiệp huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Bà Chu Thị Hậu

Nghề nghiệp: Giáo viên Trường Trung học cơ sở thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Sầm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nông Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/HSST-QĐ ngày 26/3/2024 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 12/01/1990 tại huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T1 và bà Hoàng Thị T2 (đã chết năm 2021); có vợ là Vi Thị Á và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/5/2023; tạm giam từ ngày 10/5/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L đến nay. Có mặt.

2. Vi Hồng D (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 22/02/1992 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông V (V1) Văn L và con bà Cam Thị N;

bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/5/2023; tạm giam từ ngày 10/5/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L đến nay. Có mặt.

3. Đặng Minh N1 (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 17/9/1998 tại huyện N, tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; chỗ ở: Tổ H, khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn U và bà Cao Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, đã bị xử phạt hành chính (quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 50/QĐ/XPHC, ngày 28/7/2015 của Công an huyện N, tỉnh Nam Định xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 5 Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn, xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy chữa cháy; bị cáo chưa nộp tiền phạt nhưng khi bị xử phạt bị cáo là người dưới 18 tuổi, đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà bị cáo không tái phạm nên được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính), chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/5/2023; tạm giam từ ngày 10/5/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L đến nay. Có mặt.

4. Ngô Quốc T3 (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 05/4/1985 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C - P, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Xuân K và bà Vi Thị H1; vợ là Triệu Thị T4 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 07/5/2023; tạm giam từ ngày 10/5/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L đến nay. Có mặt.

5. Trần Thị T5 (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 08/3/1995 tại huyện L, tỉnh Hà Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Ngõ H, thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Trần Sỹ H2 (đã chết) và bà Vũ Thị L1; có chồng là Trần Đăng D1 (đã ly hôn năm 2020) và có 03 con chung; hiện đang sinh sống như vợ chồng với Đàm Văn M và có 01 con chung; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 07/5/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Lạng Sơn đến ngày 12/5/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Nguyễn Thị T6 (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 09/12/2006 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H3 (đã chết tháng 7/2023) và bà Nông Thị L2; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ

luật. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/5/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L đến ngày 26/9/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Hoàng Văn T: Bà Lương Thị Kim M1 - Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Vi Hồng D: Bà Dương Thị Quỳnh H4 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Thị T6: Bà Nông Thị T7 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

- *Người đại diện theo pháp luật của bị cáo* Nguyễn Thị T6: Bà Nông Thị L2, sinh năm 1980; trú tại: Thôn L, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (mẹ đẻ). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lưu Văn H5, sinh năm 1990; trú tại: Thôn P, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Anh Vũ Xuân D2, sinh năm 1988; trú tại: Xóm C, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

3. Chị Phan Thị T8, sinh ngày 01/01/2006; trú tại: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

4. Chị Ngô Thị Thanh B, sinh ngày 07/3/2008. Có mặt.

Nơi thường trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng. Chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật của chị Ngô Thị Thanh B: Ông Ngô Quang K1, sinh năm 1980; trú tại: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng (bố đẻ). Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Ngô Thị Thanh B: Bà Hoàng Thị T9 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

5. Chị Hà Thị Yên C, sinh ngày 04/6/2007; trú tại: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của chị Hà Thị Yên C: Bà Hà Thị C1 (mẹ đẻ), sinh năm 1961; trú tại: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

6. Anh Triệu Ánh L3, sinh năm 1992; trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

7. Ông Vy Văn T10, sinh năm 1984; trú tại: Khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 05/5/2023, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC04) Công an tỉnh L tiến hành bắt quả tang tại tầng 5, phòng 2 quán K2 có 09 đối tượng (gồm 05 nữ và 04 nam) có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy gồm:

1. Vi Hồng D, sinh ngày 22/02/1992, trú tại: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;

2. Hoàng Văn T, sinh ngày 12/01/1990, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã N, huyện N, tỉnh Tuyên Quang;

3. Đặng Minh N1, sinh ngày 17/9/1998, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; chỗ ở: Tổ H, khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;

4. Nguyễn Thị T6, sinh ngày 09/12/2006, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;

5. Anh Lưu Văn H5, sinh năm 1990; trú tại: Thôn P, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

6. Anh Vũ Xuân D2, sinh năm 1988; trú tại: Xóm C, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

7. Chị Phan Thị T8, sinh ngày 01/01/2006; trú tại: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

8. Chị Ngô Thị Thanh B, sinh ngày 07/3/2008; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

9. Chị Hà Thị Yến C, sinh ngày 04/6/2007; trú tại: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

Kiểm tra trong phòng phát hiện thu giữ: 01 đĩa sứ màu trắng hình tròn đường kính 30cm, trên bề mặt có các hạt tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy, mặt sau đĩa có ám khói đen; 01 thẻ sim điện thoại Vinaphone màu xanh trắng, 01 ống hút màu trắng dài 12cm; 01 túi nilon màu trắng kích thước 2,5cm x 2,5cm cùng một số đồ vật.

Quá trình điều tra xác định: Ngày 05/5/2023, Hoàng Văn T, Vũ Xuân D2 lái xe chở phụ tùng mô tô từ tỉnh Tuyên Quang đến huyện V, tỉnh Lạng Sơn để giao bán cho Lưu Văn H5. Sau khi bán xong, Hoàng Văn T, Vũ Xuân D2, Lưu Văn H5 và một người đàn ông tên N2 đi uống bia tại khu vực xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi uống bia Hoàng Văn T, Vũ Xuân D2, Lưu Văn H5 và một người đàn ông tên N2 đi taxi ra xã H, huyện C đón Vi Hồng D xuống quán bia Phôi 1988 ở gần cầu A, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn rồi rủ thêm Đặng Minh N1 ra uống bia cùng.

Đến khoảng 18 giờ, nhóm đối tượng này rủ nhau đi hát tại phòng V, quán K3 ở xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và gọi 04 nhân viên nữ đến phục vụ việc hát gồm: Phan Thị T8, Hà Thị Yến C, Ngô Thị Thanh B và Nguyễn Thị T6. Trong quá trình phục vụ hát, C và T6 rủ T đi sử dụng ma túy và bay lắc. T đồng ý.

Khoảng 21 giờ 30 phút cả nhóm thuê taxi đi lên thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để hát tiếp và sử dụng ma túy. Trên đường đi do N2 say rượu nên xuống xe về trước. Vì Vi Hồng D có quen biết Ngô Quốc T3 làm quản lý quán K2 (số A, đường B, tổ C, khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) nên D bảo mọi người đi theo xe taxi của D đến quán K2. D là người đặt phòng. Ngô Quốc T3 dẫn lên phòng 5 tầng 2 của quán. D2, H5 và 04 nhân viên nữ lên trước. Còn D, T, N1 ở dưới quây lễ tân bàn bạc. T bảo D ứng tiền ra mua ma túy, tiền hát và tiền trả cho nhân viên trước, T và N1 sẽ góp trả cho D sau. D đồng ý, N1 cũng gật đầu đồng ý. Sau đó cả 03 lên phòng hát. Khoảng 15 phút sau, D xuống lễ tân bảo T3 đi mua cho D 01 chỉ ma túy “ke” và 02 viên ma túy “keo” để sử dụng, T3 đồng ý. T3 gọi điện thoại cho Trần Thị

T5 hỏi mua ma túy. T5 báo giá 01 chỉ ma túy “ke” và 02 viên ma túy “keo” là 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng). T3 lên phòng hát nhận của D 3.400.000 đồng rồi đưa cho T5 trả tiền mua ma túy.

Sau khi nhận tiền từ T3, T5 gọi điện cho Triệu Ánh L3, sinh năm 1992, trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (ở cùng khu trọ với T5) đặt mua 01 chỉ ma túy “ke” và 02 viên ma túy “keo”. Khoảng 15 phút sau, L3 mang ma túy đến giao cho T5 tại bãi đất trống đối diện Ga Đ, cách quán K2 khoảng 20m. Sau khi nhận được ma túy, T5 đưa lại cho T3, T3 đưa lại cho D tại cửa phòng hát, đồng thời D bảo T3 mang dụng cụ để sử dụng ma túy lên cho D. Sau đó, T3 đi xuống dưới tầng bảo T5 mang đĩa sứ, ống hút và thẻ cứng lên cho D. D bảo Ngô Thị Thanh B và Nguyễn Thị T6 mang ma túy ra phòng vệ sinh "xào ke", D đưa cho B 01 (một) túi chứa ma túy "ke", đĩa sứ, ống hút và thẻ cứng, đồng thời đưa cho T6 túi chứa 02 (hai) viên ma túy "keo", T6 cầm lấy sử dụng một nửa viên ma túy rồi đưa lại cho D rồi cùng B đi vào phòng vệ sinh để "xào ke". Sau đó D lấy 1,5 viên ma túy "keo" còn lại cho vào cốc, N1 bật lon nước cô ca đổ vào cốc để pha ma túy "keo" rồi rót ra ly mời D uống, sau đó N1 cũng uống một ly cô ca chứa ma túy "keo", uống xong D bảo N1 và C đi ra chỗ B đang xào "ke" cùng nhau sử dụng ma túy "ke". Sau khi sử dụng ma túy xong, N1 bảo B cầm đĩa sứ đựng ma túy đi vào phòng để mọi người trong phòng sử dụng. Đến 00 giờ 00 phút ngày 06/5/2023, tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC04) Công an tỉnh L phối hợp với Công an thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn kiểm tra, phát hiện, bắt giữ và thu số ma túy còn lại mà các đối tượng chưa sử dụng hết.

Tiến hành làm xét nghiệm kiểm tra sử dụng chất ma túy bằng phương pháp xét nghiệm thông qua nước tiểu thử test - định tính và bán định lượng chất ma túy, kết quả: Hoàng Văn T dương tính với chất ma túy thuộc nhóm MDMA; Vi Hồng D, Đặng Minh N1, Nguyễn Thị T6, Ngô Thị Thanh B và Hà Thị Yến C đều dương tính với chất ma túy thuộc nhóm MDMA và M2; Lưu Văn H5, Đỗ Xuân D3 và Phan Thị Trang âm tính với chất ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 530/KL-KTHS ngày 08/5/2023 của Phòng K4 Công an tỉnh L, kết luận: Chất tinh thể dạng bột màu trắng gửi giám định là chất ma túy Ketamin, có khối lượng 0,483gam”.

Tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKS-P2, ngày 09/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Hoàng Văn T, Vi Hồng D, Đặng Minh N1, Ngô Quốc T3, Trần Thị T5 và Nguyễn Thị T6 về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ngày 07/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Thông báo sửa chữa, bổ sung cáo trạng số 307/TB-VKS-P2 bổ sung thêm điểm c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự “c, Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi”.

Tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn T, Vi Hồng D, Đặng Minh N1, Ngô Quốc T3, Trần Thị T5 và Nguyễn Thị T6 khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo Hoàng Văn T thừa nhận được C và T6 rủ đi sử dụng ma túy, T đồng ý; T cũng là người chủ động bảo D bỏ tiền ra mua ma túy trước, T và N1 trả sau. Vi Hồng D thừa nhận là người bỏ tiền ra trước để mua ma túy, D cũng là người đặt phòng hát với Ngô Quốc T3, nhờ T3 đi mua ma túy cho và bảo T3 chuẩn bị dụng cụ

để sử dụng ma túy. Bị cáo Trần Thị T5 thừa nhận là người được Ngô Quốc T3 nhờ liên hệ mua ma túy, T5 là người mang đĩa, ống hút và thẻ cứng lên phòng hát cho cả nhóm sử dụng ma túy. Bị cáo Ngô Quốc T3 thừa nhận được sắp xếp phòng hát cho cả nhóm sử dụng ma túy, được D nhờ mua ma túy và chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy đưa cho T5 mang lên. Bị cáo Nguyễn Thị T6 thừa nhận được cùng Ngô Thị Thanh B xào “ke” để mọi người cùng sử dụng. Các bị cáo đều thừa nhận việc bàn bạc góp tiền mua ma túy, chuẩn bị địa điểm, công cụ phục vụ việc sử dụng ma túy là hành vi vi phạm pháp luật nhưng do ham chơi nên các bị cáo đã phạm tội.

Tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Hà Thị Yến C, anh Lưu Văn H5, anh Đỗ Xuân D3 đều thừa nhận diễn biến sự việc như các bị cáo khai là đúng. Chị Hà Thị Yến C là người rủ Hoàng Văn T đi sử dụng ma túy và được T chấp nhận. Anh Lưu Văn H5, anh Đỗ Xuân D3 thừa nhận được đi cùng nhóm nhưng không được góp tiền, không chuẩn bị công cụ và không sử dụng ma túy.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T, Vi Hồng D, Ngô Quốc T3, Đặng Minh N1, Trần Thị T5, Nguyễn Thị T6 phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Hoàng Văn T, Vi Hồng D, Đặng Minh N1;

- Đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Ngô Quốc T3;

- Đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm n, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Thị T5;

- Đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị T6.

- Đề nghị xử phạt đối với các bị cáo Hoàng Văn T, Đặng Minh N1 mức án tù 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù giam.

- Đề nghị xử phạt đối với các bị cáo Vi Hồng D, Ngô Quốc T3, Trần Thị T5 mức án tù 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù giam.

- Đề nghị xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị T6 mức án tù 05 (năm) năm 03 (ba) tháng đến 06 (sáu) năm tù giam.

- Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo Hoàng Văn T, Vi Hồng D, Ngô Quốc T3, Đặng Minh N1, Trần Thị T5 không có nghề nghiệp, không có tài sản; bị cáo Nguyễn Thị T6 khi phạm tội là người dưới 18 tuổi nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định và toàn bộ vỏ bao gói; 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 01 (một) thẻ sim điện thoại và 01 (một) ống hút.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen trắng. Trả lại cho bị cáo Vi Hồng D: 01 (một) căn cước công dân mang tên Vi Hồng D và 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, màu xanh. Trả lại cho bị cáo Đặng Minh N1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen; 01 (một) căn cước công dân và 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T6 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen do các bị cáo không sử dụng thực hiện hành vi phạm tội.

- Tịch thu hoá giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Redmi, màu xanh của bị cáo Ngô Quốc T3; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo màu xanh của bị cáo Trần Thị T5 vì các bị cáo sử dụng liên lạc điện thoại thực hiện hành vi phạm tội.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Ngô Quốc T3, Đặng Minh N1, Trần Thị T5, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước. Các bị cáo Hoàng Văn T, Vi Hồng D và Nguyễn Thị T6 được miễn án phí hình sự sơ thẩm vì bị cáo T thuộc hộ nghèo, bị cáo D và bị cáo T6 là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí.

Trong phần tranh luận các bị cáo Hoàng Văn T, Vi Hồng D, Ngô Quốc T3, Đặng Minh N1, Trần Thị T5, Nguyễn Thị T6; người đại diện hợp pháp của bị cáo T6; người đại diện hợp pháp của chị Hà Thị Yến C; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Ngô Thị Thanh B không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T, Luật sư Lương Thị Kim M1 bào chữa: Nhất trí với tội danh và điều khoản Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có 02 tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo (điểm s khoản 1 Điều 51); bị cáo thuộc hộ nghèo (khoản 2 Điều 51). Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo mức án tù 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù giam là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại vì bị cáo không sử dụng thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo vì gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo.

Bị cáo Hoàng Văn T nhất trí với ý kiến bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến bào chữa bổ sung.

Người bào chữa cho bị cáo Vi Hồng D, Trợ giúp viên Dương Thị Quỳnh H4 bào chữa: Nhất trí với tội danh và điều khoản Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có 03 tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo (điểm s khoản 1 Điều 51); bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (khoản 2 Điều 51); bị cáo có ông nội là Vy Viết D4 có công với cách mạng, có bố đẻ V (Vy Văn L4) được tặng Giấy khen (khoản 2 Điều 51). Bị cáo tuổi đời còn trẻ, hiểu biết pháp luật hạn chế, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 (02 tình tiết) Điều 51 của Bộ luật

Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo mức án tù 07 (bảy) năm tù giam là phù hợp. Nhất trí với ý kiến đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại vì bị cáo không sử dụng thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Bị cáo Vi Hồng D nhất trí với ý kiến của người bào chữa và không có ý kiến bào chữa bổ sung.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T6, Trợ giúp viên Nông Thị T7 bào chữa: Nhất trí với tội danh và điều khoản Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có 03 tình tiết giảm nhẹ: Thành khẩn khai báo (điểm s khoản 1 Điều 51); bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (khoản 2 Điều 51); bị cáo thuộc hộ nghèo (khoản 2 Điều 51). Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, hiểu biết pháp luật hạn chế, gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 (02 tình tiết) Điều 51; Điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T6 mức án tù 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù giam là phù hợp. Nhất trí với ý kiến đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại vì bị cáo không sử dụng thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo vì bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Bị cáo Nguyễn Thị T6 nhất trí với ý kiến bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến bào chữa bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận:

Đối với ý kiến của Luật sư Lương Thị Kim M1 đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn T mức án đầu khung, đại diện Viện kiểm sát không nhất trí. Khi được Hà Thị Yến C và Nguyễn Thị T6 rủ sử dụng ma túy, bị cáo là người thành niên nhưng đã tiếp nhận ý chí nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án, phải chịu mức án cao nhất.

Đối với ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý Nông Thị T7 đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T6 mức án tù 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù giam là không có căn cứ, vì bị cáo T6 giữ vai trò tích cực, do bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án 05 (năm) năm 03 (ba) tháng đến 06 (sáu) năm tù giam là phù hợp.

Khi nói lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu

nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Triệu Ánh L3, anh Vy Văn T10, chị Phan Thị T8, đã được Toà án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Yến C được triệu tập hợp lệ 02 lần đều vắng mặt nhưng tại phiên tòa bà Hà Thị C1 (mẹ đẻ) có mặt; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị Thanh B vắng mặt nhưng đã có trợ giúp viên pháp lý có mặt. Xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ. Việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Tối ngày 05/5/2023, tại tầng 5, phòng 2 quán K2 các bị cáo Hoàng Văn T, Vi Hồng D, Ngô Quốc T3, Đặng Minh N1, Trần Thị T5, Nguyễn Thị T6 đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó có bị cáo Nguyễn Thị T6, chị Ngô Thị Thanh B, chị Hà Thị Yến C thời điểm sử dụng ma túy đều là người dưới 18 tuổi. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Do vậy, cáo trạng và Thông báo sửa chữa bổ sung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo Hoàng Văn T, Vi Hồng D, Ngô Quốc T3, Đặng Minh N1, Trần Thị T5, Nguyễn Thị T6 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo 02 tình tiết định khung là "Đối với 02 người trở lên" và "Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi" quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của con người và làm lây lan tệ nạn ma túy. Mặc dù các bị cáo nhận thức được tác hại của việc sử dụng chất ma túy nhưng các bị cáo vẫn tổ chức tập hợp một số người có nhu cầu sử dụng ma túy, bàn bạc góp tiền mua ma túy, chuẩn bị địa điểm là quán Karaoke, chuẩn bị dụng cụ để sử dụng trái phép nên cần thiết phải xử lý nghiêm minh để giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Đặc biệt trong tình hình hiện nay loại tội phạm này có xu hướng gia tăng và trẻ hoá độ tuổi người phạm tội. Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của từng bị cáo như sau:

[5] Về vai trò: Vụ án có đồng phạm nhưng giản đơn. Bị cáo Hoàng Văn T là người giữ vai trò chính, khi được chị Hà Thị Yến C khởi xướng việc sử dụng ma túy; T đồng ý và chủ động bàn bạc với Vi Hồng D, Đặng Minh N1 góp tiền mua ma túy, bảo Vi Hồng D bỏ tiền ra mua ma túy trước, N1 và T trả sau. Bị cáo Vi Hồng D, Đặng Minh N1 và Nguyễn Thị T6 giữ vai trò thứ 2 sau bị cáo Hoàng Văn T, bị cáo Vi Hồng D là người bỏ tiền ra trước để mua ma túy, cũng là người đặt phòng hát với Ngô Quốc T3, nhờ T3 đi mua ma túy cho và bảo T3 chuẩn bị dụng cụ để sử dụng

ma túy. Bị cáo Đặng Minh N1 thống nhất góp tiền mua ma túy sử dụng, pha ma túy “Ke” vào cô ca và đưa cho D uống. Bị cáo Nguyễn Thị T6 cùng Hà Thị Yến C rủ bị cáo T đi sử dụng ma túy, bị cáo Nguyễn Thị T6 đã cùng với Ngô Thị Thanh B xào “ke” để mọi người cùng sử dụng. Bị cáo Ngô Quốc T3 giữ vai trò thứ 3, bị cáo là người sắp xếp phòng hát cho cả nhóm sử dụng ma túy, được D nhờ mua ma túy và chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy đưa cho T5 mang lên. Bị cáo Trần Thị Thanh g vai trò thứ 4, bị cáo Trần Thị T5 là người được Ngô Quốc T3 nhờ liên hệ mua ma túy, cầm đĩa, ống hút và thẻ cứng lên để cả nhóm sử dụng ma túy.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả 06 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, cả 06 bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Trần Thị T5 khi phạm tội mang thai nên bị cáo T5 được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hoàng Văn T thuộc hộ nghèo nên bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vi Hồng D có ông nội là ông Vy Viết D4 được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì và bố đẻ là ông V (Vy Văn L4) được tặng giấy khen; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên bị cáo được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đặng Minh N1 ủng hộ quỹ phòng cháy chữa cháy của UBND thị trấn Đ, huyện C 3.000.000 đồng nên bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị T6 là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc hộ nghèo nên bị cáo được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: 05 bị cáo gồm Hoàng Văn T, Vi Hồng D, Ngô Quốc T3, Trần Thị T5, Nguyễn Thị T6 đều chưa có tiền án, tiền sự nên xác định đều có nhân thân tốt. Riêng bị cáo Đặng Minh N1 có 01 tiền sự (quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 50/QĐ/XPHC, ngày 28/7/2015 của Công an huyện N, tỉnh Nam Định xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 5 Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn, xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy chữa cháy; bị cáo chưa nộp tiền phạt nhưng khi bị xử phạt bị cáo là người dưới 18 tuổi, đã hết thời hiệu thi hành quyết định mà không tái phạm nên được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

[9] Căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, vai trò của từng bị cáo Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc mức án phù hợp. Việc cá thể hoá hình phạt vừa đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật nhưng cũng vừa đảm bảo thể hiện được chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với các bị cáo thành khẩn khai báo.

[10] Trong vụ án này bị cáo Hoàng Văn T là người giữ vai trò cao nhất; bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có 02 tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên bị cáo phải chịu mức án cao nhất.

[11] Bị cáo Vi Hồng D, Đặng Minh N1, Nguyễn Thị T6 là người giữ vai trò thứ 2; bị cáo Vi Hồng D và bị cáo Nguyễn Thị T6 đều có 03 tình tiết giảm nhẹ (01 tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51, 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự); bị cáo Đặng Minh N1 có 02 tình tiết giảm nhẹ (01 tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51, 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự) nên các bị cáo chịu mức án thấp hơn bị cáo Hoàng Văn T. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Thị T6 khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: *“Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải đảm bảo lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích..”*. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng quy định pháp luật đối với người dưới 18 tuổi, buộc bị cáo chịu mức án bằng $\frac{3}{4}$ mức án của các bị cáo đã trên 18 tuổi tương ứng với tính chất, mức độ, vai trò của bị cáo.

[12] Bị cáo Ngô Quốc T3 là người giữ vai trò thứ 3; bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên bị cáo chịu mức án thấp hơn bị cáo Vi Hồng D, Đặng Minh N1.

[13] Bị cáo Trần Thị Thanh g vai trò thứ 4; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại điểm n, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên bị cáo chịu mức án thấp hơn bị cáo Ngô Quốc T3.

[14] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần tài sản. Tuy nhiên theo biên bản xác minh thể hiện các bị cáo đều ở độ tuổi trẻ, đều không có tài sản riêng, không có thu nhập, bị cáo Nguyễn Thị T6 là người dưới 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với cả 06 bị cáo.

[15] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau: 01 (một) phong bì của phòng Cảnh sát điều tra về ma túy có chữ “Tang vật thu giữ tại phòng 05 quán K2 ngày 06/5/2023” (cũ), có chữ ký cùng tên của Giám định viên Hoàng Đình C2, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng K4 tại phần giáp lai mới. Bên trong có 01 túi nilon (cũ) đựng 0,407 gam chất Ketamin (phần hao hụt do làm mẫu giám định); 01 (một) đĩa sứ màu trắng hình tròn đường kính 30cm; 01 (một) thẻ sim điện thoại Vinaphone màu xanh trắng và 01 (một) ống hút màu trắng vì đây là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

[16] Tịch thu hoá giá nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Redmi, màu xanh của bị cáo Ngô Quốc T3; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo màu xanh của bị cáo Trần Thị T5 vì các bị cáo sử dụng liên lạc với nhau thực hiện hành vi phạm tội.

[17] Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen trắng. Trả lại cho bị cáo Vi Hồng D: 01 căn cước công dân mang tên Vi Hồng D và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, màu xanh. Trả lại cho bị cáo Đặng Minh N1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen; 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đặng Minh N1. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T6: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen. Giấy phép lái xe và căn cước công dân là giấy tờ tùy thân của các bị cáo; đối với điện thoại thì các bị cáo không sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên cần trả lại.

[18] Về án phí: Cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bị cáo Hoàng Văn T thuộc hộ nghèo; bị cáo Vi Hồng D, Nguyễn Thị T6 là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên 03 bị cáo này được miễn án phí hình sự sơ thẩm. 03 bị cáo Ngô Quốc T3, Trần Thị T5, Đặng Minh N1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[19] Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[20] Đối với Hà Thị Yên C và Ngô Thị Thanh B: Có hành vi giúp sức tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. C là người khởi xướng rủ T đi sử dụng ma túy và mời T 01 ly nước cô ca pha ma túy "keo". Đối với B thì khi D chỉ đạo, B đã cùng T6 thực hiện việc "xào ke" và cầm vào phòng cho mọi người sử dụng, tại thời điểm xảy ra vụ án B và C dưới 16 tuổi không thuộc trường hợp tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự. Công an tỉnh L đã hoàn thiện hồ sơ chuyển sang Tòa án để đưa Hà Thị Yên C và Ngô Thị Thanh B vào trường giáo dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét kiến nghị trong bản án.

[21] Đối với Phan Thị T8 là nhân viên được nhóm đối tượng Hoàng Văn T yêu cầu đến phòng Vip 3 quán K3 và phòng hát số E, tầng B, quán K2 phục vụ rót rượu, bia và hát cùng, không sử dụng chất ma túy, không chuẩn bị công cụ sử dụng ma túy, kết quả Test nhanh âm tính với chất ma túy. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Phan Thị T8.

[22] Đối với Lưu Văn H5 và Vũ Xuân D2 là bạn của nhóm đối tượng Hoàng Văn T được rủ đi uống rượu, bia và hát cùng, không sử dụng chất ma túy, không chuẩn bị công cụ sử dụng ma túy, kết quả Test nhanh âm tính với chất ma túy nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm H5 và D2 trong vụ án này.

[23] Đối với người đàn ông tên L3 sử dụng số điện thoại 0961.648.596 là người bán 01 (một) chỉ ma túy Ketamin và 02 (hai) viên ma túy keo cho Trần Thị T5 để giao cho Ngô Quốc T3 đưa cho nhóm Vi Hồng D sử dụng tại quán K2 ngày 05/05/2023. Qua xác minh chủ thuê bao số điện thoại trên là Triệu Anh L3, sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (ở cùng khu trọ với T5 tại ngõ H, thôn C, xã T, huyện V), Cơ quan điều tra đã xác minh tại Công an xã T, huyện V,

tỉnh Lạng Sơn Lâm không có mặt tại địa phương nơi cư trú, không rõ đi đâu, làm gì. Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục xác minh về Triệu Ánh L3 và đã ban hành Quyết định truy tìm người, khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau theo quy định. Hội đồng xét xử không xem xét.

[24] Đối với Vy Văn T10 (tên gọi khác Vi Văn T11), sinh năm 1984, thường trú: Tổ C, khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn kinh doanh quán K2, địa chỉ: Số A, đường B, tổ C, khu G, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, quá trình điều tra xác định người đứng tên, khi nhóm đối tượng Hoàng Văn T, Vi Hồng D và Đặng Minh N1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại quán T11 không có mặt tại địa phương để Ngô Quốc T3 tự ý cho Vi Hồng D cùng nhóm đối tượng vào phòng 5 tầng 2 quán K2 hát và tổ chức sử dụng ma túy, T11 không cung cấp ma túy, công cụ sử dụng ma túy cho nhóm đối tượng. Tuy nhiên hành vi thiếu trách nhiệm để xảy ra hoạt động sử dụng trái phép chất ma túy tại quán Karaoke do mình quản lý của Vy Văn T10 đã vi phạm vào điểm a, khoản 4, Điều 23 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Ngày 30/11/2023, Công an tỉnh L đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Vy Văn T10, hình thức phạt tiền mức 15.000.000 đồng và tước giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT của quán K2 thời gian 09 tháng. Hội đồng xét xử không xem xét.

[25] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[26] Đối với ý kiến bào chữa của Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn T, Vi Hồng D, Nguyễn Thị T6 Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc ý kiến phù hợp thì Hội đồng xét xử chấp nhận, ý kiến không phù hợp thì Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Văn T, Đặng Minh N1;

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 (02 tình tiết) Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vi Hồng D;

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Ngô Quốc T3;

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255, Điều 38, Điều 50, điểm n, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Thị T5;

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 (02 tình tiết) Điều 51, Điều 58, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị T6;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292; Chương XXVIII thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi; Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T, Vi Hồng D, Ngô Quốc T3, Trần Thị T5, Đặng Minh N1, Nguyễn Thị T6 phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

- Hình phạt chính:

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 07/5/2023.

+ Xử phạt bị cáo Vi Hồng D 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 07/5/2023.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Minh N1 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 07/5/2023;

+ Xử phạt bị cáo Ngô Quốc T3 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 07/5/2023;

+ Xử phạt bị cáo Trần Thị T5 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành (được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 07/5/2023 đến ngày 12/5/2023).

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T6 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành (được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 07/5/2023 đến ngày 26/9/2023);

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với cả 06 bị cáo Hoàng Văn T, Vi Hồng D, Ngô Quốc T3, Trần Thị T5, Đặng Minh N1 và Nguyễn Thị T6.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì của Phòng Cảnh sát điều tra về ma túy có chữ “Tang vật thu giữ tại phòng 05 quán K2 ngày 06/5/2023” (cũ), có chữ ký cùng tên của Giám định viên Hoàng Đình C2, trợ lý giám định và các hình dấu của Phòng K4 tại phần giáp lai mới. Bên trong có 01 túi nilon (cũ) đựng 0,407 gam chất Ketamin (phần hao hụt do làm mẫu giám định);

+ 01 (một) đĩa sứ màu trắng hình tròn đường kính 30cm, trên bề mặt đĩa có các hạt tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy, mặt sau của đĩa có ám khói đen;

+ 01 (một) thẻ sim điện thoại Vinaphone màu xanh trắng, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) ống hút màu trắng dài 12 cm.

- Trả lại bị cáo Hoàng Văn T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen trắng, số IMEI: 353098101369756, lắp 01 sim số 0982889860, máy cũ đã qua sử dụng;

- Trả lại bị cáo Vi Hồng D: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, màu xanh, số IMEI: 353055116448421, lắp 02 sim số 0376681258 và 0394208893, máy cũ đã qua sử dụng và 01 (một) căn cước công dân mang tên Vi Hồng D;

- Trả lại bị cáo Đặng Minh N1: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, số IMEI: 356175094360997, lắp 01 sim số 0889030030, máy cũ đã qua sử dụng; 01 (một) căn cước công dân và 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đặng Minh N1.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thị T6: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu đen, số IMEI: 353245104637263, lắp 01 sim 0362384702.

- Tịch thu hoá giá sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Redmi, màu xanh, số IMEI: 860511052193468, lắp 01 sim số 0395136478, máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo Ngô Quốc T3;

+ 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo màu xanh, số IMEI: 866855068793512, lắp 01 sim số 0917362519, máy cũ đã qua sử dụng của bị cáo Trần Thị T5;

(Các vật chứng trên được ghi chi tiết, cụ thể tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/01/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Đặng Minh N1, Ngô Quốc T3, Trần Thị T5, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước. Các bị cáo Hoàng Văn T, Vi Hồng D và Nguyễn Thị T6 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thị T6, người đại diện hợp pháp của chị Hà Thị Yên C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PC04, Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (02 bản);
- Đội Tổng hợp Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan; người đại diện hợp pháp của người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lương Thị Mỹ Hạnh